

BỘ TÀI CHÍNH

Số: 75/2008/TT-BTC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2008

THÔNG TƯ

**Hướng dẫn quản lý vốn đầu tư
thuộc nguồn vốn ngân sách xã, phường, thị trấn.**

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 01/2002/QH11 ngày 16/12/2002; Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06/6/2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Luật Xây dựng số 16/2003/QH11 ngày 26/11/2003; Nghị định số 16/2005/NĐ-CP ngày 07/02/2005 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình và Nghị định số 112/2006/NĐ-CP ngày 29/9/2006 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 16/2005/NĐ-CP ngày 07/02/2005 về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; Nghị định số 99/2007/NĐ-CP ngày 13/6/2007 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình và Nghị định số 03/2008/NĐ-CP ngày 07/01/2008 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 99/2007/NĐ-CP ngày 13/6/2007 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 52/1999/NĐ-CP ngày 08/7/1999 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế Quản lý đầu tư và xây dựng, Nghị định số 12/2000/NĐ-CP ngày 05/5/2000 và Nghị định số 07/2003/NĐ-CP ngày 30/01/2003 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế Quản lý đầu tư và xây dựng ban hành kèm theo Nghị định số 52/1999/NĐ-CP ngày 08/7/1999 của Chính phủ.

Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý vốn đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách xã, phường, thị trấn như sau:

Phần I

QUY ĐỊNH CHUNG

1. Thông tư này áp dụng cho các dự án đầu tư xây dựng thuộc thẩm quyền quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân xã) để xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp các công trình bằng nguồn vốn Ngân sách xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là ngân sách xã). *✍*

Thông tư này không áp dụng cho các dự án, công trình thuộc phạm vi quản lý của xã, phường, thị trấn được hướng dẫn thực hiện tại các văn bản khác của cấp thẩm quyền.

Đối với các dự án được đầu tư bằng các nguồn vốn khác khuyến khích vận dụng theo Thông tư này

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương căn cứ vào tình hình thực tế và khả năng, trình độ quản lý về đầu tư xây dựng công trình của Ủy ban nhân dân xã để phân cấp thẩm quyền quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình cho phù hợp với điều kiện cụ thể của từng địa phương.

3. Trước khi phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình hoặc dự án đầu tư xây dựng công trình (sau đây gọi chung là dự án đầu tư), Người quyết định đầu tư phải xác định rõ nguồn vốn thực hiện dự án đầu tư, đảm bảo bố trí đủ vốn để thực hiện dự án không quá 2 năm.

Trường hợp đặc biệt, cấp bách (do thiên tai, hoả hoạn) cần phải khởi công ngay thì dự án đầu tư phải được Thường trực Hội đồng nhân dân xã có ý kiến đồng ý và được Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân huyện) chấp thuận bằng văn bản. Dự án đầu tư thuộc trường hợp này phải có phương án dự kiến nguồn vốn đảm bảo; phải được ưu tiên bố trí vốn ngay khi có nguồn; tránh nợ đọng vốn.

4. Các dự án đầu tư do Ủy ban nhân dân xã quyết định phê duyệt đầu tư phải nằm trong quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt và phù hợp với các điều kiện phát triển kinh tế xã hội; tuân thủ trình tự, thủ tục về đầu tư xây dựng công trình theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Trường hợp dự án đầu tư chưa có trong quy hoạch được cấp thẩm quyền phê duyệt, thì trước khi phê duyệt, dự án đầu tư phải được sự chấp thuận bằng văn bản của Ủy ban nhân dân huyện về quy hoạch.

5. Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã thực hiện quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình, phải đảm bảo sử dụng vốn đầu tư đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả, dân chủ công khai và minh bạch; chấp hành đúng chế độ quản lý tài chính - đầu tư - xây dựng của Nhà nước và các quy định cụ thể tại Thông tư này.

6. Chủ đầu tư hoặc Ban quản lý dự án được Chủ đầu tư thành lập hoặc tổ chức tư vấn quản lý dự án được Chủ đầu tư thuê để quản lý dự án (sau đây gọi chung là Chủ đầu tư) thực hiện quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình theo quy định hiện hành của Nhà nước và các quy định cụ thể của Thông tư này.

7. Cơ quan Tài chính các cấp, cơ quan quản lý về đầu tư xây dựng công trình cấp trên theo chức năng nhiệm vụ được giao, có trách nhiệm hướng dẫn Chủ đầu tư tổ chức thực hiện dự án đầu tư. Cơ quan Kho bạc Nhà nước có trách nhiệm kiểm soát, thanh toán vốn đầu tư kịp thời, đầy đủ, đúng chế độ cho các dự án đầu tư khi đã có đủ điều kiện thanh toán vốn đầu tư theo quy định hiện hành của Nhà nước và các quy định cụ thể của Thông tư này. 6

Phần II
QUY ĐỊNH CỤ THỂ

I. NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ CỦA NGÂN SÁCH XÃ.

1. Vốn ngân sách nhà nước:

- Vốn ngân sách xã chi cho các dự án đầu tư.
- Vốn hỗ trợ của ngân sách nhà nước cấp trên cho các dự án đầu tư thuộc thẩm quyền phê duyệt quyết định dự án đầu tư của Ủy ban nhân dân xã.
- Các khoản đóng góp theo nguyên tắc tự nguyện của nhân dân trong xã cho từng dự án đầu tư cụ thể, do Hội đồng nhân dân xã thông qua và được đưa vào nguồn thu của ngân sách xã.

2. Các khoản đóng góp tự nguyện và viện trợ không hoàn lại của các tổ chức, cá nhân (trong và ngoài nước) để đầu tư cho các dự án đầu tư do xã quản lý được thực hiện như sau:

- Trường hợp đóng góp bằng tiền: Ủy ban nhân dân xã thực hiện thu và nộp vào tài khoản Tiền gửi vốn đầu tư thuộc xã quản lý của ngân sách xã mở tại Kho bạc nhà nước

- Trường hợp đóng góp bằng hiện vật:

+ Đối với khoản đóng góp bằng vật tư, công lao động tự nguyện của nhân dân trong xã: căn cứ vào số lượng vật tư, công lao động do người dân đóng góp, giá cả vật tư, giá ngày công lao động tại địa phương, Ủy ban nhân dân xã xác định giá trị (bằng tiền Việt Nam) để ghi thu nguồn vốn đầu tư và ghi chi cho dự án đầu tư.

+ Đối với khoản đóng góp bằng hiện vật của tổ chức, cá nhân khác để đầu tư cho xã: Ủy ban nhân dân xã thành lập Hội đồng xác định giá trị hiện vật (bằng tiền Việt Nam) để giao cho Chủ đầu tư quản lý; đồng thời ghi thu dự án đầu tư và ghi chi cho dự án đầu tư. Hội đồng xác định giá trị hiện vật do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thành lập; thành viên gồm đại diện Chính quyền, Đoàn thể trong đơn vị cấp xã và Ban giám sát đầu tư của cộng đồng.

II. LẬP KẾ HOẠCH, THÔNG BÁO KẾ HOẠCH, ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ HÀNG NĂM.

1. Lập kế hoạch vốn đầu tư:

- Việc lập kế hoạch vốn đầu tư của Ủy ban nhân dân xã được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 60/2003/TT-BTC ngày 23/6/2003 quy định về quản lý ngân sách xã và các hoạt động tài chính khác của xã, phường, thị trấn và các văn bản hướng dẫn hàng năm của Bộ Tài chính. Cụ thể: căn cứ vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của xã, Chủ đầu tư lập kế hoạch vốn đầu tư, cùng với thời gian lập dự toán ngân sách xã gửi Ủy ban nhân dân xã. Căn cứ vào nguồn thu của ngân sách xã, Ủy ban nhân dân xã tổng hợp và xem xét trình Hội đồng nhân dân xã thông qua.

kế hoạch vốn đầu tư của xã (theo mẫu số 01/BC-KHĐT). Kế hoạch vốn đầu tư phải đảm bảo các nội dung sau:

+ Tổng số vốn đầu tư trong năm, chia theo từng dự án đầu tư và từng nguồn vốn (nguồn vốn đầu tư từ ngân sách xã; nguồn vốn ngân sách cấp trên hỗ trợ; nguồn vốn đóng góp của các tổ chức, cá nhân trong xã; nguồn vốn đóng góp của các tổ chức, cá nhân khác).

+ Các kiến nghị (nếu có).

- Kế hoạch vốn đầu tư của xã sau khi được Hội đồng nhân dân xã thông qua, được gửi đến phòng Tài chính - Kế hoạch quận, huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là phòng Tài chính - Kế hoạch huyện). Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện tổ hợp báo cáo Ủy ban nhân dân huyện, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và đầu tư (theo mẫu số 02/BC-KHĐT).

2. Thông báo kế hoạch vốn đầu tư:

Căn cứ vào kế hoạch vốn đầu tư năm được Hội đồng nhân dân xã thông qua; trên cơ sở nguồn thu của ngân sách xã; nguồn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cấp trên; nguồn vốn huy động đóng góp và khối lượng thực hiện của các dự án đầu tư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã quyết định thông báo kế hoạch vốn đầu tư, đồng thời gửi Kho bạc nhà nước (nơi mở tài khoản) để làm căn cứ kiểm soát, thanh toán vốn cho dự án đầu tư.

3. Điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư hàng năm:

- Định kỳ, Ủy ban nhân dân xã rà soát tiến độ thực hiện và mục tiêu đầu tư của các dự án đầu tư trong năm để điều chỉnh kế hoạch theo thẩm quyền, chuyển vốn từ các dự án đầu tư không có khả năng thực hiện sang các dự án đầu tư thực hiện vượt tiến độ, còn nợ khối lượng, các dự án đầu tư có khả năng hoàn thành vượt kế hoạch trong năm. Việc điều chỉnh kế hoạch phải đảm bảo cho kế hoạch của dự án đầu tư sau khi điều chỉnh không thấp hơn số vốn Kho bạc nhà nước đã thanh toán cho dự án đầu tư đó.

- Thời hạn điều chỉnh kế hoạch hàng năm kết thúc chậm nhất là ngày 31 tháng 12 năm kế hoạch.

III. TẠM ỨNG, THANH TOÁN VỐN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH.

1. Mở tài khoản:

- Chủ đầu tư mở tài khoản cấp phát vốn đầu tư thuộc ngân sách cấp xã tại Kho bạc nhà nước (nơi mở tài khoản giao dịch của ngân sách xã).

- Kho bạc nhà nước hướng dẫn mở tài khoản cho Chủ đầu tư.

2. Hồ sơ, tài liệu cơ sở ban đầu của dự án đầu tư:

a) Đối với dự án thực hiện giai đoạn chuẩn bị đầu tư:

- Văn bản phê duyệt dự toán chi phí cho công tác chuẩn bị đầu tư.

- Văn bản lựa chọn nhà thầu theo quy định của Luật Đấu thầu.

- Hợp đồng giữa Chủ đầu tư với nhà thầu.

b) Đối với dự án giai đoạn thực hiện đầu tư:

- Quyết định phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình kèm báo cáo kinh tế - kỹ thuật.

- Quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình và Quyết định phê duyệt dự toán kèm dự toán chi tiết (trường hợp lập dự án đầu tư);

- Văn bản lựa chọn nhà thầu theo quy định của Luật Đấu thầu (gồm đấu thầu, chỉ định thầu, mua sắm trực tiếp, chào hàng cạnh tranh, tự thực hiện và lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt).

- Hợp đồng giữa Chủ đầu tư và nhà thầu.

3. Tạm ứng vốn đầu tư xây dựng công trình:

a) Mức vốn tạm ứng:

- Đối với hợp đồng thi công xây dựng: mức vốn tạm ứng tối thiểu bằng 20% giá trị hợp đồng và không vượt kế hoạch vốn năm cho gói thầu.

- Đối với gói thầu mua sắm thiết bị: mức vốn tạm ứng do Chủ đầu tư và nhà thầu thoả thuận, nhưng nhiều nhất không vượt giá trị hợp đồng và kế hoạch vốn trong năm ghi cho gói thầu.

- Đối với hợp đồng tư vấn: mức vốn tạm ứng theo thoả thuận trong hợp đồng giữa Chủ đầu tư với nhà thầu nhưng tối thiểu bằng 25% giá trị hợp đồng.

- Đối với công việc giải phóng mặt bằng: mức vốn tạm ứng theo tiến độ thực hiện trong kế hoạch giải phóng mặt bằng nằm trong phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Hồ sơ đề nghị tạm ứng vốn: căn cứ hồ sơ tài liệu ban đầu và mức tạm ứng quy định ở trên; Chủ đầu tư kiểm tra và lập hồ sơ đề nghị tạm ứng gồm: Giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư; Chứng từ chuyển tiền; Bảo lãnh khoản tiền tạm ứng của nhà thầu (nếu trong hợp đồng Chủ đầu tư và nhà thầu thoả thuận có bảo lãnh tiền tạm ứng); kèm các hồ sơ quy định tại Khoản 2 Mục III phần II của Thông tư và gửi đến Kho bạc nhà nước nơi Chủ đầu tư mở tài khoản.

c) Thu hồi vốn tạm ứng:

- Vốn tạm ứng ở các công việc nêu tại Điểm a trên đây được thu hồi qua từng lần thanh toán khối lượng hoàn thành của hợp đồng; bắt đầu thu hồi từ lần thanh toán đầu tiên và thu hồi hết khi thanh toán khối lượng hoàn thành đạt 80% giá trị hợp đồng. Mức thu hồi từng lần do Chủ đầu tư thống nhất với nhà thầu. Chủ đầu tư có trách nhiệm cùng với nhà thầu tính toán mức tạm ứng hợp lý, quản lý chặt chẽ, sử dụng vốn tạm ứng đúng mục đích, đúng đối tượng, có hiệu quả và có trách nhiệm đảm bảo hoàn trả đủ số vốn đã tạm ứng khi thanh toán khối lượng hoàn thành đạt 80% giá trị hợp đồng.

- Đối với công việc giải phóng mặt bằng:

+ Đối với công việc bồi thường, hỗ trợ: sau khi chi trả cho người thụ hưởng, Chủ đầu tư tập hợp chứng từ, làm thủ tục thanh toán và thu hồi tạm ứng trong thời hạn chậm nhất là 30 ngày làm việc kể từ ngày chi trả cho người thụ hưởng.

+ Đối với các công việc giải phóng mặt bằng khác: vốn tạm ứng được thu hồi vào từng kỳ thanh toán khối lượng hoàn thành và thu hồi hết khi đã thực hiện xong công việc giải phóng mặt bằng.

d) Trường hợp vốn tạm ứng chưa thu hồi nhưng không sử dụng hoặc sử dụng vào việc khác thì Chủ đầu tư có trách nhiệm thu hồi, hoàn trả đủ cho ngân sách nhà nước. Nghiêm cấm việc tạm ứng vốn mà không sử dụng hoặc sử dụng không đúng mục đích.

- Trường hợp đến hết năm kế hoạch mà vốn tạm ứng chưa thu hồi hết do hợp đồng chưa được thanh toán đạt đến tỷ lệ quy định thì tiếp tục thu hồi trong kế hoạch năm sau và không trừ vào kế hoạch thanh toán vốn đầu tư năm sau.

e) Việc tạm ứng vốn được thực hiện trong thời hạn thanh toán của kế hoạch vốn và có thể tạm ứng một hoặc nhiều lần căn cứ vào nhu cầu thanh toán vốn tạm ứng nhưng không vượt mức vốn tạm ứng theo quy định nêu trên.

4. Thanh toán khối lượng hoàn thành:

a) Đối với các công việc được thực hiện thông qua các hợp đồng xây dựng: việc thanh toán hợp đồng phù hợp với từng loại hợp đồng, giá hợp đồng và các điều kiện trong hợp đồng. Số lần thanh toán, giai đoạn thanh toán và điều kiện thanh toán phải được ghi rõ trong hợp đồng.

- Đối với giá hợp đồng trọn gói: thanh toán theo tỉ lệ phần trăm (%) giá hợp đồng hoặc giá công trình, hạng mục công trình hoàn thành tương ứng với các giai đoạn thanh toán được ghi trong hợp đồng. Sau khi hoàn thành hợp đồng và được nghiệm thu, bên giao thầu thanh toán cho bên nhận thầu toàn bộ giá hợp đồng đã ký và các khoản tiền được điều chỉnh giá (nếu có).

- Đối với giá hợp đồng theo đơn giá cố định: thanh toán trên cơ sở khối lượng các công việc hoàn thành (kể cả khối lượng phát sinh được duyệt theo thẩm quyền, nếu có) được nghiệm thu trong giai đoạn thanh toán và đơn giá tương ứng với các công việc đó đã ghi trong hợp đồng hoặc phụ lục bổ sung hợp đồng. Sau khi hoàn thành hợp đồng và được nghiệm thu, bên giao thầu thanh toán cho bên nhận thầu toàn bộ giá hợp đồng đã ký và các khoản tiền được điều chỉnh giá (nếu có).

- Đối với giá hợp đồng theo giá điều chỉnh: thanh toán trên cơ sở khối lượng các công việc hoàn thành (kể cả khối lượng phát sinh được duyệt theo thẩm quyền, nếu có) được nghiệm thu trong giai đoạn thanh toán và đơn giá đã điều chỉnh theo quy định của hợp đồng. Trường hợp đến giai đoạn thanh toán vẫn chưa đủ điều kiện điều chỉnh đơn giá thì sử dụng đơn giá tạm tính khi ký hợp đồng để thực hiện thanh toán và điều chỉnh giá trị thanh toán khi có đơn giá điều chỉnh theo đúng quy định của hợp đồng. Sau khi hoàn thành hợp đồng và được nghiệm thu, bên giao thầu

thanh toán cho bên nhận thầu toàn bộ giá hợp đồng đã ký và các khoản tiền được điều chỉnh giá (nếu có).

- Đối với giá hợp đồng kết hợp: việc thanh toán được thực hiện tương ứng theo các quy định thanh toán đối với từng loại hợp đồng nêu ở trên.

- Đối với khối lượng công việc phát sinh ngoài hợp đồng:

+ Đối với khối lượng công việc phát sinh từ 20% trở xuống so với khối lượng công việc tương ứng trong hợp đồng và đã có đơn giá trong hợp đồng thì khối lượng công việc phát sinh được thanh toán theo đơn giá đã ghi trong hợp đồng.

+ Đối với khối lượng công việc phát sinh lớn hơn 20% so với khối lượng công việc tương ứng trong hợp đồng hoặc khối lượng công việc phát sinh chưa có đơn giá trong hợp đồng thì khối lượng công việc phát sinh được thanh toán theo đơn giá do Chủ đầu tư phê duyệt theo quy định.

+ Đối với khối lượng công việc bổ sung ngoài phạm vi công việc quy định của hợp đồng áp dụng phương thức giá hợp đồng trọn gói thì giá trị bổ sung được lập dự toán và bên giao thầu và bên nhận thầu thống nhất ký hợp đồng bổ sung giá trị phát sinh này.

- Hồ sơ thanh toán: khi có khối lượng hoàn thành được nghiệm thu theo giai đoạn thanh toán và điều kiện thanh toán trong hợp đồng, Chủ đầu tư lập hồ sơ đề nghị thanh toán gửi Kho bạc nhà nước, bao gồm:

+ Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành theo hợp đồng theo hướng dẫn của Bộ Xây dựng (hiện hành là quy định tại phụ lục số 2 của Thông tư số 06/2007/TT-BXD ngày 25/7/2007 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn hợp đồng trong hoạt động xây dựng - đính kèm).

+ Giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư.

+ Chứng từ chuyển tiền.

Khi có khối lượng phát sinh ngoài hợp đồng, Chủ đầu tư gửi bảng xác định giá trị khối lượng phát sinh ngoài hợp đồng theo hướng dẫn của Bộ Xây dựng (hiện hành là quy định tại phụ lục số 4 của Thông tư số 06/2007/TT-BXD ngày 25/7/2007 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn hợp đồng trong hoạt động xây dựng - đính kèm).

b) Đối với các công việc được thực hiện không thông qua hợp đồng xây dựng (như trường hợp tự làm, các công việc quản lý dự án do Chủ đầu tư trực tiếp thực hiện,...): việc thanh toán phù hợp với từng loại công việc, trên cơ sở báo cáo khối lượng công việc hoàn thành và dự toán được duyệt cho từng công việc.

5. Đối với gói thầu thực hiện theo hình thức người dân trong xã tự làm:

- Đối với gói thầu có kỹ thuật đơn giản, khối lượng công việc chủ yếu sử dụng lao động thủ công, mà người dân trong xã có thể tự làm được, thì Chủ đầu tư báo cáo Người có thẩm quyền quyết định phê duyệt dự án đầu tư giao cho người dân trong xã tự tổ chức thi công xây dựng và tự chịu trách nhiệm của mình trước pháp luật. Thực hiện hình thức này, Chủ đầu tư trực tiếp ký hợp đồng với người dân

thông qua Người đại diện (là người do những người dân trong xã tham gia thi công xây dựng bầu; Người đại diện có thể là tổ, đội xây dựng cũng có thể là nhóm người có một người đứng ra chịu trách nhiệm). Khi áp dụng hình thức này phải có sự giám sát của Ban giám sát đầu tư của cộng đồng.

- Hồ sơ, tài liệu cơ sở ban đầu của hình thức này: ngoài các hồ sơ quy định tại Khoản 2 Mục III Phần II của Thông tư còn bổ sung thêm văn bản chấp thuận của người quyết định đầu tư cho phép người dân trong xã tự làm.

- Hồ sơ tạm ứng vốn đầu tư xây dựng công trình và thanh toán khối lượng hoàn thành áp dụng tương tự các quy định tại Khoản 3, Khoản 4 Mục III Phần II của Thông tư.

- Gói thầu do người dân trong xã tự làm được tạm ứng tối đa 50% giá trị của hợp đồng và không vượt kế hoạch vốn đầu tư bố trí trong năm cho gói thầu.

- Căn cứ hợp đồng và khối lượng xây dựng hoàn thành được nghiệm thu; Chủ đầu tư lập hồ sơ đề nghị tạm ứng (hoặc thanh toán), gửi Kho bạc nhà nước đề nghị tạm ứng (hoặc thanh toán) cho Người đại diện.

Trường hợp Người đại diện không có tài khoản: Chủ đầu tư đề nghị Kho bạc nhà nước thanh toán bằng tiền mặt; Người đại diện thanh toán trực tiếp cho người dân tham gia thực hiện thi công xây dựng gói thầu; Chủ đầu tư và Ban giám sát đầu tư của cộng đồng có trách nhiệm giám sát chặt chẽ việc thanh toán tiền công cho người dân.

- Khi thanh toán các công trình do người dân trong xã tự làm thì cơ quan thanh toán không thanh toán phần thuế giá trị gia tăng trong dự toán công trình.

6. Số vốn thanh toán cho từng nội dung công việc, hạng mục công trình không được vượt dự toán được duyệt hoặc giá gói thầu; tổng số vốn thanh toán cho dự án đầu tư không vượt tổng mức đầu tư được duyệt.

Số vốn thanh toán cho dự án đầu tư trong năm (bao gồm cả thanh toán tạm ứng và thanh toán khối lượng hoàn thành) không vượt kế hoạch vốn cả năm đã bố trí cho dự án đầu tư.

7. Thời hạn lập hồ sơ đề nghị thanh toán và thời hạn thanh toán:

a) Thời hạn lập hồ sơ đề nghị thanh toán: trong thời gian 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ đề nghị thanh toán (hoặc tạm ứng) hợp lệ của nhà thầu; Chủ đầu tư phải hoàn thành thủ tục đề nghị thanh toán (hoặc tạm ứng) và chuyển hồ sơ thanh toán (hoặc tạm ứng) trên tới Kho bạc nhà nước (nơi mở tài khoản).

b) Thời hạn thanh toán: căn cứ hồ sơ đề nghị thanh toán (hoặc tạm ứng) do Chủ đầu tư gửi (theo Khoản 2, Khoản 3 và Khoản 4, Mục III, Phần II của Thông tư này); trong thời gian dưới 07 ngày làm việc (kể từ ngày nhận đủ tài liệu), căn cứ hợp đồng (hoặc dự toán được duyệt đối với các công việc được thực hiện không thông qua hợp đồng); Kho bạc nhà nước thực hiện việc kiểm soát thanh toán (hoặc tạm ứng) vốn cho Chủ đầu tư và theo đề nghị của Chủ đầu tư thanh toán (hoặc tạm

ứng) cho các nhà thầu, các đơn vị liên quan; đồng thời thu hồi vốn tạm ứng (nếu có).

8. Kho bạc nhà nước thực hiện việc kiểm soát thanh toán như sau: trên cơ sở hồ sơ đề nghị thanh toán của Chủ đầu tư, Kho bạc nhà nước căn cứ vào các điều khoản thanh toán được quy định trong hợp đồng (số lần thanh toán, giai đoạn thanh toán, thời điểm thanh toán và các điều kiện thanh toán) và giá trị từng lần thanh toán để thanh toán cho Chủ đầu tư. Chủ đầu tư tự chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp pháp của khối lượng thực hiện, định mức, đơn giá, dự toán các loại công việc, chất lượng công trình, Kho bạc nhà nước không chịu trách nhiệm về các vấn đề này. Kho bạc nhà nước căn cứ vào hồ sơ thanh toán và thực hiện thanh toán theo hợp đồng.

IV. QUYẾT TOÁN VỐN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH.

1. Tất cả các dự án đầu tư thuộc thẩm quyền quản lý và quyết định đầu tư của Ủy ban nhân dân xã khi hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng phải lập báo cáo quyết toán và được thẩm tra phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành theo đúng chế độ quy định về quản lý tài chính hiện hành và các quy định cụ thể tại Thông tư này.

2. Hồ sơ quyết toán dự án đầu tư xây dựng công trình hoàn thành gồm có:

- Các biểu mẫu báo cáo quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành theo biểu mẫu số 01/QTDA và 02/QTDA (cách lập biểu mẫu báo cáo quyết toán theo hướng dẫn tại Phụ lục số I kèm theo Thông tư này).

- Các văn bản pháp lý có liên quan gồm có: Quyết định phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình hoặc Quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình, Quyết định phê duyệt thiết kế kỹ thuật - dự toán hoặc Quyết định phê duyệt dự toán chi tiết, Quyết định chỉ định thầu hoặc trúng thầu (nếu có) và các văn bản bổ sung (nếu có).

3. Thẩm tra quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành:

- Khi dự án đầu tư xây dựng công trình hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng; chậm nhất sau 02 tháng, Chủ đầu tư phải lập xong báo cáo quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành. Chậm nhất sau 01 tháng, đơn vị chức năng thuộc quyền quản lý của Người quyết định đầu tư phải thực hiện xong công tác thẩm tra báo cáo quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành, trình Người quyết định đầu tư phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành.

- Trường hợp, đơn vị chức năng thuộc quyền quản lý của Người quyết định đầu tư không đủ năng lực thẩm tra báo cáo quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành; Chủ đầu tư báo cáo Người quyết định đầu tư lựa chọn một trong các hình thức sau:

+ Thuê tổ chức kiểm toán độc lập, kiểm toán báo cáo quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành.✚

+ Đề nghị Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện thẩm tra báo cáo quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành.

- Nội dung thẩm tra báo cáo quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành (kiểm toán) và nội dung báo cáo kết quả thẩm tra quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành (báo cáo kết quả kiểm toán) theo Phụ lục số II đính kèm Thông tư này.

4. Định mức chi phí thẩm tra báo cáo quyết toán và kiểm toán dự án đầu tư hoàn thành:

- Tổ chức, đơn vị thẩm tra, kiểm toán báo cáo quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành, được hưởng chi phí thẩm tra báo cáo quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành, theo định mức chi phí như sau:

+ Định mức chi phí thẩm tra báo cáo quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành: được tính bằng 0,32% giá trị tổng mức đầu tư của dự án đầu tư (tối thiểu là 300.000 đồng).

+ Định mức chi phí kiểm toán báo cáo quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành: được tính bằng 0,50% giá trị tổng mức đầu tư của dự án đầu tư, cộng với thuế giá trị gia tăng (tối thiểu là 500.000 đồng).

- Chi phí thẩm tra báo cáo quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành, được tính vào chi phí khác trong tổng giá trị quyết toán vốn đầu tư của dự án.

5. Phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành:

Trên cơ sở báo cáo kết quả thẩm tra quyết toán (báo cáo kết quả kiểm toán) vốn đầu tư dự án hoàn thành của các tổ chức, đơn vị thẩm tra; Chủ đầu tư kiểm tra, trình Người quyết định đầu tư quyết định phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành.

Quyết định phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành phải được niêm yết công khai tại Trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã và gửi cho các cơ quan, đơn vị sau:

- Chủ đầu tư.
- Kho bạc nhà nước (nơi mở tài khoản).
- Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện.
- Ban giám sát đầu tư của cộng đồng.

Hồ sơ quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành được lập và lưu trữ theo chế độ lưu trữ hồ sơ.

V. CHI PHÍ GIÁM SÁT CỦA BAN GIÁM SÁT ĐẦU TƯ CỦA CỘNG ĐỒNG.

Tất cả các dự án đầu tư thuộc thẩm quyền quản lý và quyết định đầu tư của Ủy ban nhân dân xã đều phải được giám sát đầu tư trong quá trình tổ chức thực hiện. Việc giám sát đầu tư giao cho Ban giám sát đầu tư của cộng đồng thực hiện.

Ban giám sát đầu tư của cộng đồng được thành lập và thực hiện các chức năng, nhiệm vụ theo quy định tại Quyết định số 80/2005/QĐ-TTg ngày 18/4/2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế giám sát đầu tư của cộng đồng và

Thông tư liên tịch số 04/2006/TTLT-KH&ĐT-UBTUMTTQVN-TC ngày 04/12/2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quy chế giám sát đầu tư của cộng đồng.

Kinh phí hoạt động của Ban giám sát đầu tư của cộng đồng được thực hiện theo quy định tại Phần IV Thông tư liên tịch số 04/2006/TTLT-KH&ĐT-UBTUMTTQVN-TC ngày 04/12/2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Bộ Tài chính.

Trường hợp, những dự án đầu tư nhỏ (có giá trị dưới 200 triệu đồng), có thiết kế kỹ thuật đơn giản mà Chủ đầu tư không đủ năng lực tự giám sát thi công xây dựng công trình và không thuê được tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình, thì Chủ đầu tư trình Người quyết định đầu tư giao cho Ban giám sát đầu tư của cộng đồng tổ chức giám sát thi công xây dựng công trình; trường hợp này, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng được hưởng định mức chi phí giám sát thi công công trình xây dựng, tối đa không vượt định mức giám sát thi công công trình xây dựng do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xây dựng và công bố.

VI. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO, KIỂM TRA.

1. Chế độ báo cáo:

- Định kỳ 6 tháng và một năm, Ủy ban nhân dân xã lập báo cáo tình hình thực hiện khối lượng và vốn đầu tư đã thanh toán (theo mẫu số 03/BC-THKH) và báo cáo tình hình quyết toán vốn đầu tư các dự án hoàn thành thuộc phạm vi quản lý (theo biểu mẫu số 03/THQT); gửi Hội đồng nhân dân xã, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng và Phòng Tài chính kế hoạch huyện. Báo cáo 6 tháng gửi trước ngày 10/7, báo cáo năm gửi trước ngày 15/01 năm sau.

Nội dung báo cáo phải phân tích, đánh giá được tình hình thực hiện kế hoạch, kết quả đầu tư trong kỳ, tình hình sử dụng vốn, các vấn đề tồn tại, kiến nghị các biện pháp xử lý.

- Căn cứ vào báo cáo tình hình thực hiện đầu tư của Ủy ban nhân dân xã, Phòng Tài chính kế hoạch huyện chịu trách nhiệm lập báo cáo tổng hợp gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện và kiến nghị phương án xử lý các vấn đề tồn tại (theo mẫu số 04/BC-THKH).

2. Kiểm tra: định kỳ hoặc đột xuất, Phòng Tài chính kế hoạch huyện trực tiếp tổ chức kiểm tra hoặc đề nghị Ban giám sát đầu tư của cộng đồng kiểm tra, giám sát, đánh giá các dự án đầu tư do Ủy ban nhân dân xã quản lý về tình hình sử dụng vốn, tiến độ thực hiện của dự án đầu tư và việc chấp hành chính sách, chế độ tài chính đầu tư xây dựng của Nhà nước.

VII. TRÁCH NHIỆM, QUYỀN HẠN CỦA CÁC CƠ QUAN CÓ LIÊN QUAN

1. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: ➤

- Căn cứ quy định hiện hành và điều kiện cụ thể của địa phương, thực hiện phân cấp (hoặc uỷ quyền) quyết định phê duyệt dự án đầu tư cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

- Chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện, các cơ quan chức năng thuộc thẩm quyền quản lý tổ chức hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức quản lý các dự án đầu tư theo đúng quy định của Nhà nước và quy định tại Thông tư này.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện:

Thực hiện quản lý nhà nước về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; chỉ đạo các cơ quan chức năng thuộc thẩm quyền quản lý phối hợp và giúp đỡ Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện quản lý các dự án đầu tư xây dựng công trình theo quy định hiện hành của nhà nước và các quy định của Thông tư này.

3. Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện:

- Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư theo quy định.

- Phối hợp với các cơ quan chức năng hướng dẫn và kiểm tra các Chủ đầu tư, Kho bạc nhà nước, các nhà thầu thực hiện dự án về việc chấp hành chế độ, chính sách tài chính đầu tư phát triển, tình hình quản lý, sử dụng vốn đầu tư, tình hình thanh toán vốn đầu tư để có giải pháp xử lý các trường hợp vi phạm.

- Được quyền yêu cầu Kho bạc nhà nước, Chủ đầu tư cung cấp các tài liệu, thông tin cần thiết để phục vụ cho công tác quản lý nhà nước về tài chính đầu tư phát triển, bao gồm các tài liệu bố trí kế hoạch vốn đầu tư hàng năm, các tài liệu báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch và thực hiện vốn đầu tư theo quy định về chế độ thông tin báo cáo, các tài liệu phục vụ thẩm tra quyết toán vốn đầu tư theo quy định.

- Thẩm tra báo cáo quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp xã (khi có yêu cầu bằng văn bản).

4. Ủy ban nhân dân cấp xã:

- Thực hiện quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình theo đúng quy định về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình và các văn bản hướng dẫn của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

- Quyết định phê duyệt dự án đầu tư và phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành đối với những dự án đầu tư được phân cấp, theo đúng quy định về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình.

- Tổ chức tiếp nhận, sử dụng vốn đầu tư đúng mục đích, đúng đối tượng theo quy định.

- Thực hiện chế độ báo cáo và quyết toán vốn đầu tư dự án theo quy định.

5. Chủ đầu tư:

- Thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định hiện hành của Nhà nước về quản lý đầu tư và xây dựng được giao theo quy định. Chấp hành đúng quy định của pháp luật về chế độ quản lý tài chính đầu tư phát triển.

- Thực hiện việc nghiệm thu khối lượng, lập hồ sơ thanh toán và đề nghị thanh toán cho nhà thầu theo thời gian quy định của hợp đồng.

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp pháp của khối lượng thực hiện, định mức, đơn giá, dự toán các loại công việc, chất lượng công trình và giá trị đề nghị thanh toán; đảm bảo tính chính xác, trung thực, hợp pháp của các số liệu, tài liệu trong hồ sơ cung cấp cho Kho bạc nhà nước và các cơ quan chức năng của Nhà nước.

- Báo cáo kịp thời, đầy đủ theo quy định cho cơ quan quyết định đầu tư và các cơ quan nhà nước có liên quan; cung cấp đủ hồ sơ, tài liệu, tình hình theo quy định cho Kho bạc nhà nước và cơ quan Tài chính để phục vụ cho công tác quản lý và thanh toán vốn; chịu sự kiểm tra của cơ quan Tài chính và cơ quan quyết định đầu tư về tình hình sử dụng vốn đầu tư và chấp hành chính sách, chế độ tài chính đầu tư phát triển của Nhà nước.

- Được yêu cầu thanh toán vốn khi đã có đủ điều kiện và yêu cầu Kho bạc nhà nước trả lời và giải thích những nội dung chưa thoả đáng trong việc kiểm soát, thanh toán vốn.

- Chịu trách nhiệm lập báo cáo quyết toán vốn đầu tư xây dựng công trình hoàn thành để trình Người quyết định đầu tư phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành (theo Mục IV, Phần II của Thông tư này). Sau 6 tháng kể từ khi có quyết định phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành, Chủ đầu tư phải hoàn thành việc giải quyết công nợ và làm thủ tục tất toán tài khoản đầu tư của dự án (công trình) tại cơ quan thanh toán vốn đầu tư.

6. Ban giám sát đầu tư của cộng đồng:

- Yêu cầu Chủ đầu tư, các nhà thầu báo cáo, giải trình, cung cấp thông tin làm rõ những vấn đề mà cộng đồng có ý kiến.

- Tổng hợp ý kiến của cộng đồng, các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan, các báo cáo của Chủ đầu tư và các nhà thầu, đề xuất biện pháp giải quyết đối với những vấn đề mà cộng đồng có ý kiến, kiến nghị các cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

- Thông báo cho cộng đồng và các cơ quan có liên quan biết về quyết định của cấp có thẩm quyền đối với những vấn đề mà cộng đồng có ý kiến.

7. Đối với các nhà thầu:

- Các nhà thầu có trách nhiệm tổ chức thực hiện các hoạt động của mình theo đúng hợp đồng đã ký và các quy định của Pháp luật.

- Cùng với Chủ đầu tư xử lý dứt điểm các vấn đề còn tồn tại theo hợp đồng đã ký kết. Hoàn trả đầy đủ, kịp thời số vốn mà Chủ đầu tư đã chi trả vượt so với giá trị quyết toán được phê duyệt.

8. Kho bạc nhà nước:

- Tổ chức thực hiện việc kiểm soát, thanh toán vốn đầu tư đúng chế độ quy định của Nhà nước và quy định tại Thông tư này; xác nhận số vốn đã thanh toán, nhận xét tình hình thanh toán; quyết toán vốn đầu tư hàng năm cho từng dự án đầu tư theo quy định về quyết toán Ngân sách nhà nước.

- Phối hợp với Chủ đầu tư thu hồi số vốn đã chi trả cho các cá nhân, đơn vị vượt so với giá trị quyết toán được phê duyệt; đôn đốc, hướng dẫn, phối hợp với Chủ đầu tư giải quyết công nợ để hoàn thành việc thanh toán, tất toán tài khoản của các dự án đã phê duyệt quyết toán.

Phần III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo và thay thế Thông tư số 73/2007/TT-BTC ngày 02/7/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý vốn đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách xã, thị trấn./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Ban Kinh tế TW Đảng;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- Cơ quan TW của các đoàn thể;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Sở Tài chính, KBNN các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Công báo;
- Website Chính phủ;
- Website Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, ĐT.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Công Nghiệp

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ THUỘC NGÂN SÁCH XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN NĂM ...

Đơn vị tính: 1.000 đồng.

| Số TT | Kế hoạch Tên dự án | Báo cáo kinh tế kỹ thuật được duyệt hoặc dự án được duyệt | Kế hoạch vốn đầu tư đã giao | | Khối lượng thực hiện đến 31/12 năm trước | | Số vốn đã thanh toán | | | Kế hoạch năm ... | | | Ghi chú | | |
|-----------------|---------------------------|---|-----------------------------|--------------------------------|--|---------------------------|----------------------|--------------------|--------|------------------|---------------|------------------|---------|------------------------|-------------------|
| | | | Tổng số | Trong đó: kế hoạch năm báo cáo | Lũy kế từ khởi công | Khối lượng trong kế hoạch | Lũy kế từ khởi công | Trong năm kế hoạch | | Tổng số | Trong đó | | | | |
| | | | | | | | | Tổng số | Vốn NS | | Vốn huy động | Vốn đầu tư NS xã | | Vốn NS cấp trên hỗ trợ | Vốn huy động khác |
| | | | | | | | | | | | | | | | |
| A | B | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 = 8 + 9 | 8 | 9 | 10 = 11+12+13 | 11 | 12 | 13 | 14 |
| TỔNG SỐ: | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Dự án A | | | | | | | | | | | | | | |
| | Chi phí xây dựng | | | | | | | | | | | | | | |
| | Chi phí thiết bị | | | | | | | | | | | | | | |
| | Chi phí khác | | | | | | | | | | | | | | |
| 2 | Dự án B | | | | | | | | | | | | | | |
| | Chi phí xây dựng | | | | | | | | | | | | | | |
| | Chi phí thiết bị | | | | | | | | | | | | | | |
| | Chi phí khác | | | | | | | | | | | | | | |

Ngày..... tháng năm ...

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký và ghi rõ họ, tên)

CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu và ghi rõ họ tên) ↓

Nơi nhận:

- Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện.
- Cơ quan thanh toán vốn (nơi mở tài khoản)

TỔNG HỢP KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CỦA CÁC XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN NĂM

Đơn vị tính: 1.000 đồng

| Số TT | Tên dự án | Báo cáo kinh tế kỹ thuật được duyệt hoặc dự án được duyệt | Lũy kế kế hoạch đầu tư đã giao | Kế hoạch năm của xã (phường, thị trấn) | | | Kế hoạch năm của các xã (phường, thị trấn) do Phòng Tài chính huyện đề xuất (trường hợp Ngân sách cấp huyện hỗ trợ) | | | Ghi chú | | |
|-----------------|-------------|---|--------------------------------|--|-------------------|--------------------------|--|--------------|-------------------|---------|--------------------------|--------------|
| | | | | Tổng số | Trong đó | | Tổng số | Trong đó | | | | |
| | | | | | Vốn đầu tư của xã | Vốn ngân cấp trên hỗ trợ | | Vốn huy động | Vốn đầu tư của xã | | Vốn ngân cấp trên hỗ trợ | Vốn huy động |
| A | B | 1 | 2 | 3 =4+5+6 | 4 | 5 | 6 | 7 = 8+9+10 | 8 | 9 | 10 | 11 |
| TỔNG SỐ: | | | | | | | | | | | | |
| I | Xã A | | | | | | | | | | | |
| 1 | Dự án | | | | | | | | | | | |
| 2 | Dự án | | | | | | | | | | | |
| II | Xã B | | | | | | | | | | | |
| 1 | Dự án | | | | | | | | | | | |
| 2 | Dự án | | | | | | | | | | | |

NGƯỜI LẬP BIỂU
(ký và ghi rõ họ, tên)

.....Ngày tháng năm
TRƯỞNG PHÒNG
(ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Nơi nhận : - UBND huyện.....;
- Sở Tài chính;
- Sở Kế hoạch và đầu tư.

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ 6 THÁNG, 12 THÁNG CỦA CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ NĂM

Đơn vị tính: 1.000 đồng.

| Số TT | Tên dự án | Địa điểm xây dựng | Báo cáo kinh tế kỹ thuật được duyệt hoặc dự án được duyệt | Kế hoạch vốn đầu tư năm..... | Giá trị khối lượng hoàn thành kỳ báo cáo | | Số vốn đã thanh toán | | | | | Giá trị KLHT nhưng chưa có vốn để thanh toán | | Ghi chú | |
|----------|------------------|-------------------|---|------------------------------|--|-----------------------|----------------------|------------------|-------------------|------------------------|---------------------|--|---------------------|-----------|--------------|
| | | | | | Lũy kế từ khởi công | KLHT trong kỳ báo cáo | Lũy kế từ khởi công | Trong kỳ báo cáo | | | Lũy kế từ khởi công | Trong kỳ báo cáo | | | |
| | | | | | | | | Tổng số | Trong đó | | | Tổng số | KLHT trong kế hoạch | | |
| | | | | | | | | | Vốn đầu tư của xã | Vốn NS cấp trên hỗ trợ | | | | | Vốn huy động |
| A | B | C | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 = 7+8+9 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 |
| | TỔNG SỐ: | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Dự án A | | | | | | | | | | | | | | |
| | Chi phí xây dựng | | | | | | | | | | | | | | |
| | Chi phí thiết bị | | | | | | | | | | | | | | |
| | Chi phí khác | | | | | | | | | | | | | | |
| 2 | Dự án B | | | | | | | | | | | | | | |
| | Chi phí xây dựng | | | | | | | | | | | | | | |
| | Chi phí thiết bị | | | | | | | | | | | | | | |
| | Chi phí khác | | | | | | | | | | | | | | |

.....Ngày..... tháng năm

XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN THANH TOÁN VỐN
(ghi số liệu thực thanh toán so với biểu mẫu)
(Ký tên, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

CHỦ TỊCH
(Ký tên, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Nơi nhận:

- Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện.
- Cơ quan thanh toán vốn (nơi mở tài khoản)

TỔNG HỢP TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ 6 THÁNG, 12 THÁNG CỦA CÁC XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN NĂM ...

Đơn vị tính: 1.000 đồng.

| Số TT | Tên dự án | Địa điểm xây dựng | Báo cáo kinh tế kỹ thuật được duyệt hoặc dự án được duyệt | Kế hoạch năm | Khối lượng hoàn thành đến 31/12 năm trước | | Số vốn đã thanh toán | | | | | Giá trị KLHT nhưng chưa có vốn để thanh toán | | Ghi chú | |
|-----------|-----------------|-------------------|---|-------------------|---|---------------------|----------------------|------------------|-------------------|------------------------|---------------------|--|---------------------|-----------|--------------|
| | | | | | Lũy kế từ khởi công | KLHT trong kế hoạch | Lũy kế từ khởi công | Trong kỳ báo cáo | | | Lũy kế từ khởi công | Trong kỳ báo cáo | | | |
| | | | | | | | | Tổng số | Trong đó | | | Tổng số | KLTH trong kế hoạch | | |
| | | | | | | | | | Vốn đầu tư của xã | Vốn NS cấp trên hỗ trợ | | | | | Vốn huy động |
| A | B | C | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 |
| | TỔNG SỐ: | | | | | | | | | | | | | | |
| I | Xã A | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Dự án | | | | | | | | | | | | | | |
| 2 | Dự án | | | | | | | | | | | | | | |
| II | Xã B | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Dự án | | | | | | | | | | | | | | |
| 2 | Dự án | | | | | | | | | | | | | | |

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký tên và ghi rõ họ tên)

.....Ngày..... tháng năm
TRƯỞNG PHÒNG
(Ký tên, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Nơi nhận:

- UBND cấp huyện....
- Sở Tài chính.
- Sở Kế hoạch và Đầu tư.